



THÙNG XE TẢI BẢO ÔN

INSULATED TRUCK BODY

HINO FG8JT8A-PGV

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG TIN CHUNG / GENERAL	ĐVT / UNIT	FG8JT8A	FG8JT8A	FGBJT8A	FG8JT8A
Loại xe / Vehicle type		Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck	Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck	Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck	Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck
Nhãn hiệu / Mark, model code		HINO FG8JT8A-PGV -QA.BOF1S (F2S)	HINO FG8JT8A-PGV -QA.BOF1S1 (F2S1)	HINO FG8JT8A-PGV -QA.BO2	HINO FG8JT8A-PGV -QA.BO3
Công thức bánh xe / Wheel formular		4 x 2	4 x 2	4 x 2	4 x 2
Thông số về kích thước / Dimensions					
Kích thước tổng thể (D x R x C) Overall (L x W x H)	mm	10270 x 2500 x 3880	10270 x 2500 x 3780	11020 x 2500 x 3880	10270 x 2500 x 3880
Kích thước bao thùng hàng (D x R x C) Body's external dimension (L x W x H)	mm	8100 x 2500 x 2650	8100 x 2500 x 2550	8850 x 2500 x 2650	8100 x 2500 x 2650
Kích thước trong thùng hàng (D x R x C) Body's internal dimension (L x W x H)	mm	7850 x 2320 x 2410	7850 x 2320 x 2310	8600 x 2320 x 2410	7850 x 2320 x 2410
Chiều dài cơ sở / Wheel base	mm	6430	6430	6430	6430
Vết bánh xe (Trước / Sau) Wheel track (Front/ Rear)	mm	2060 / 1835	2060 / 1835	2060 / 1835	2060 / 1835
Chiều dài đầu xe / đuôi xe Overhang (Front/ Rear)	mm	1280 / 2560	1280 / 2560	1280 / 3310	1280 / 2560
Chiều rộng cabin / Cabin width	mm	2490	2490	2490	2490
Thông số về khối lượng / Weight					
Khối lượng bản thân / Curb weight	Kg	7905 (7855)	7855	8155	8005
Khối lượng chuyên chở theo thiết kế Payload	Kg	7900 (7950)	7950	6950	7800
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế Max gross vehicle weight	Kg	16000	16000	15300	16000
Số người cho phép chở kể cả lái xe Seating capacity including driver		3	3	3	3
Bánh xe và lốp / Wheels and tyres					
+ Trục 1 (Bánh đơn) +First axle (quantity:2)		11R22.5	11R22.5	11R22.5	11R22.5
+ Trục 2 (Bánh kép) +Second axle (quantity:4)		11R22.5	11R22.5	11R22.5	11R22.5
Thiết bị điện / Electric equipment					
Áp định mức: 24V Out put: 24V		Ắc quy / Batteries: 12V - 65Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 65Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 65Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 65Ah - 2 bình
Máy phát Alternator		24V - 60A	24V - 60A	24V - 60A	24V - 60A
Thiết bị chuyên dùng / Special equipment					
Hệ thống lạnh Refrigerated Unit		-	-	-	-
Trang bị khác Other equipment		-	-	-	Máy Oxy (RT90-M + ZLE-65WA) Roots blower systems

Lưu ý / Note: Các thông số kỹ thuật trên có thể thay đổi mà không cần báo trước / Product specifications can be changed at any time without previous notice.

CẤU TẠO CÁC LỚP PANEL / STRUCTURE OF SANDWICH PANEL

Độ Dày / Thickness Panel (mm)	Sàn phẳng / Flat floor > 10T	Sàn sóng / corrugated > 10T
Panel sàn Floor panel	135	140
Panel vách trước Front panel	109	109
Panel vách hông Two side wall panels	79	79
Panel nóc Roof panel	103	103
Panel cửa sau Rear door panels	79	79

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV ÔTÔ QUYỀN

* **Nhà máy Tây Ninh:** Số 550, ấp 4, xã Lương Hòa, tỉnh Tây Ninh

* **CN Cam Ranh:** Thôn Cây Xoài, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

* **Tel:** (0272) 3769 020 - (0272) 3769 022

* **Fax:** (0272) 3769 023

* **Phòng kinh doanh:**
Hotline: 090.810.9929 - 090.393.0444
Email: kd01@quyenauto.com

* **Tư vấn kỹ thuật:**
Hotline: 090.800.9030 - 093.890.9317
Email: technical@quyenauto.com

